

Số: *H582* /QĐ-UBND

Quận 12, ngày 18 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp  
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân quận về việc ban hành áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân Quận 12 phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở KH và CN;
- UBND/Q (CT, các PCT);
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, NV.NP.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Đức**

**CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12  
ĐƯỢC CÔNG BỐ PHỤ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA  
TCVN ISO 9001:2015**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4582/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 12)

STT	Tên thủ tục	Mã số
<b>Lĩnh vực công chức</b>		
1.	Tiếp nhận vào làm công chức	QT-01/CC
<b>Lĩnh vực viên chức</b>		
2.	Tiếp nhận vào làm viên chức	QT-01/VC
3.	Thi tuyển viên chức	QT-02/VC
4.	Xét tuyển viên chức	QT-03/VC
<b>Lĩnh vực Tổ chức Phi chính phủ (hội)</b>		
5.	Công nhận Ban vận động thành lập Hội.	QT-01/PCP
6.	Báo cáo tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của Hội.	QT-02/PCP
7.	Phê duyệt điều lệ Hội.	QT-03/PCP
<b>Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng</b>		
8.	Tặng Giấy khen của Ủy ban nhân dân quận, huyện về công trạng và thành tích	QT-01/TĐKT
9.	Tặng Giấy khen của Ủy ban nhân dân quận, huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	QT-02/TĐKT
10.	Tặng Giấy khen của Ủy ban nhân dân quận, huyện về thành tích đợt xuất	QT-03/TĐKT
11.	Công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”	QT-04/TĐKT
12.	Công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”	QT-05/TĐKT
13.	Công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”	QT-06/TĐKT
<b>Lĩnh vực Tôn Giáo</b>		

14.	Đề nghị tổ chức Đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT-01/TG
15.	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT-02/TG
16.	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT-03/TG
<b>Lĩnh vực thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập</b>		
17.	Thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	QT-01/ĐVSN
18.	Thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	QT-02/ĐVSN
19.	Thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	QT-03/ĐVSN
<b>Lĩnh vực thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính</b>		
20.	Thẩm định thành lập tổ chức hành chính	QT-01/TCHC
21.	Thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính	QT-02/TCHC
22.	Thẩm định giải thể tổ chức hành chính	QT-03/TCHC
<b>Lĩnh vực quản lý nhà nước về quỹ</b>		
23.	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT-01/Q
24.	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ	QT-02/Q
25.	Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	QT-03/Q
26.	Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	QT-04/Q
27.	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT-05/Q
28.	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động	QT-06/Q

29.	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	QT-07/Q
30.	Đổi tên quỹ	QT-08/Q
31.	Tự giải thể quỹ	QT-09/Q
<b>Lĩnh vực Hộ tịch</b>		
32.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-01/HT
33.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-02/HT
34.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-03/HT
35.	Đăng ký việc nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-04/HT
36.	Đăng ký Giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-05/HT
37.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-06/HT
38.	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-07/HT
39.	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-08/HT
40.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-09/HT
41.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-10/HT
42.	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-11/HT
43.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-12/HT
44.	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-13/HT
45.	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (Khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT-14/HT
46.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch	QT-15/HT

47.	Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT-16/HT
48.	Thủ tục Xác nhận Thông tin hộ tịch	QT-17/HT
<b>Lĩnh vực Chứng thực</b>		
49.	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT-01/CT
50.	Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT-02/CT
51.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (thủ tục này cũng được áp dụng trong trường hợp chứng thực điếm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điếm chỉ được)	QT-03/CT
52.	Chứng thực chữ ký người dịch là cộng tác viên của Phòng Tư pháp	QT-04/CT
53.	Chứng thực chữ ký đối với người không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT-05/CT
54.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-06/CT
55.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-07/CT
56.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-08/CT
<b>Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật</b>		
57.	Công nhận báo cáo viên pháp luật quận, huyện	QT-01/PBGDPL
58.	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật quận, huyện	QT-02/PBGDPL
<b>Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng</b>		
59.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-01/CNTD

60.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-02/CNTD
61.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-02/CNTD
<b>Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước</b>		
62.	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT-01/LTHH
63.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	QT-02/LTHH
64.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu do bị mất hoặc bị hỏng	QT-03/LTHH
65.	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-04/LTHH
66.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-05/LTHH
67.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-06/LTHH
68.	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-07/LTHH
69.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-08/LTHH
70.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-09/LTHH
<b>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b>		
71.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	QT-01/ATTP
<b>Lĩnh vực cấp giấy phép xây dựng</b>		
72.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-01/XD

73.	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-02/XD
74.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-03/XD
75.	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-04/XD
76.	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-05/XD
77.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-06/XD
<b>Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng</b>		
78.	Cung cấp thông tin về Quy hoạch Xây dựng	QT-01/QHXD
<b>Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật</b>		
79.	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	QT-01/HTKT
<b>Lĩnh vực Quy hoạch kiến trúc</b>		



80.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT-01/QHKT
81.	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT-02/QHKT
<b>Lĩnh vực đường bộ</b>		
82.	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QT-01/ĐB
83.	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QT-02/ĐB
84.	Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QT-03/ĐB
85.	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QT-04/ĐB
<b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>		
86.	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT-01/GDĐT
87.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT-02/GDĐT
88.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT-03/GDĐT
89.	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT-04/GDĐT
90.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QT-05/GDĐT
91.	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập	QT-06/GDĐT
92.	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập	QT-07/GDĐT

93.	Thành lập trường tiểu học công lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	QT-08/GDĐT
94.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT-09/GDĐT
95.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT-10/GDĐT
96.	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT-11/GDĐT
97.	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QT-12/GDĐT
98.	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	QT-13/GDĐT
99.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT-14/GDĐT
100.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	QT-15/GDĐT
101.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	QT-16/GDĐT
102.	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QT-17/GDĐT
103.	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	QT-18/GDĐT
104.	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia	QT-19/GDĐT
105.	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	QT-20/GDĐT
106.	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT-21/GDĐT
107.	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT-22/GDĐT
108.	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT-23/GDĐT
109.	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	QT-24/GDĐT
110.	Đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	QT-25/GDĐT
111.	Thành lập Trung tâm học tập cộng đồng	QT-26/GDĐT
112.	Cho phép Trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT-27/GDĐT

113.	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập riêng cho người khuyết tật học tại cơ sở giáo dục	QT-28/GDĐT
114.	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	QT-29/GDĐT
115.	Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (đối với nhà trẻ, nhóm trẻ; trường, lớp mẫu giáo, trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, phổ thông trung học bán trú và trung tâm học tập cộng đồng)	QT-30/GDĐT
116.	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT-31/GDĐT
117.	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục không vì lợi nhuận	QT-32/GDĐT
118.	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	QT-33/GDĐT
119.	Trợ cấp đối với trẻ mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	QT-34/GDĐT
<b>Lĩnh vực hệ thống văn bằng chứng chỉ</b>		
120.	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	QT-01/HTVBCC
121.	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	QT-02/HTVBCC
<b>Chính sách có công</b>		

122.	Lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện thiết bị phục hồi đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	QT-01/ CSCC
123.	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QT-02/CSCC
124.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-03/CSCC
<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>		
125.	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT-01/BTXH
126.	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp	QT-02/BTXH
127.	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp	QT-03/BTXH
128.	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT-04/BTXH
129.	Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT-05/BTXH
<b>Lĩnh vực Lao động, tiền lương, tiền công</b>		
130.	Đăng ký, đăng ký lại nội quy lao động của doanh nghiệp	QT-01/LĐTL
<b>Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp</b>		

131.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.	QT-01/GDNN
132.	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục.	QT-02/GDNN
133.	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập	QT-03/GDNN
134.	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	QT-04/GDNN
135.	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	QT-05/GDNN
<b>Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội</b>		
136.	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT-01/PCTNXH
137.	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT-02/PCTNXH
138.	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT-03/PCTNXH
<b>Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em</b>		
139.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT-01/TE
140.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	QT-02/TE
<b>Lĩnh vực đất đai</b>		
141.	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	QT-01/ĐĐ
142.	Phối hợp tách thửa nhà, đất đối với hộ gia đình, cá nhân	QT-02/ĐĐ

143.	Phối hợp Cấp Giấy chứng nhận nhà đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân	QT-03/ĐĐ
144.	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.	QT-04/ĐĐ
145.	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	QT-05/ĐĐ
146.	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	QT-06/ĐĐ
147.	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	QT-07/ĐĐ
148.	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (cấp tỉnh/ cấp huyện)	QT-08/ĐĐ
<b>Lĩnh vực giải quyết tranh chấp đất đai</b>		
149.	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	QT-01/GQTCĐĐ
<b>Lĩnh vực Công sản</b>		
150.	Điều chuyển tài sản Nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị	QT-01/CS
151.	Thanh lý tài sản Nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị	QT-02/CS
152.	Bán tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị	QT-03/CS
<b>Lĩnh vực Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu</b>		

153.	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận - huyện	QT-01/LCNT
154.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân quận	QT-02/LCNT
<b>Lĩnh vực Đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư</b>		
155.	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	QT-01/LCNĐT
156.	Giải quyết kiến nghị kết quả lựa chọn nhà đầu tư	QT-02/LCNĐT
<b>Lĩnh vực Kinh tế tập thể</b>		
157.	Đăng ký thành lập hợp tác xã	QT-01/HTX
158.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-02/HTX
159.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT-03/HTX
160.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-04/HTX
161.	Đăng ký khi hợp tác xã chia	QT-05/HTX
162.	Đăng ký khi hợp tác xã tách	QT-06/HTX
163.	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	QT-07/HTX
164.	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	QT-08/HTX
165.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	QT-09/HTX
166.	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	QT-10/HTX
167.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT-11/HTX
168.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	QT-12/HTX

169.	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-13/HTX
170.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-14/HTX
171.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	QT-15/HTX
172.	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	QT-16/HTX
<b>Lĩnh vực Kinh doanh hộ cá thể</b>		
173.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT-01/ĐKKD
174.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT-02/ĐKKD
175.	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	QT-03/ĐKKD
176.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT-04/ĐKKD
177.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT-05/ĐKKD
<b>Lĩnh vực Văn hóa công sở</b>		
178.	Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-01/VHCS
179.	Công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-02/VHCS
180.	Công nhận lần đầu “Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-03/VHCS
181.	Công nhận lại “Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-04/VHCS
182.	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	QT-05/VHCS
183.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	QT-06/VHCS



184.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	QT-07/VHCS
185.	Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	QT-08/VHCS
<b>Lĩnh vực Gia đình</b>		
186.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-01/GĐ
187.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-02/GĐ
188.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-03/GĐ
189.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-04/GĐ
190.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-05/GĐ
191.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	QT-06/GĐ
<b>Lĩnh vực Thư viện</b>		
192.	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-01/TV
193.	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-02/TV
194.	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-03/TV

<b>Lĩnh vực Tiếp công dân</b>		
195.	Tiếp công dân và xử lý đơn khiếu nại	QT-01/TCD
196.	Tiếp công dân và xử lý đơn tố cáo	QT-02/TCD
<b>Lĩnh vực xử lý đơn</b>		
197.	Xử lý đơn tại cấp huyện	QT-01/XLD
<b>Lĩnh vực khiếu nại</b>		
198.	Giải quyết khiếu nại lần đầu	QT-01/KN
199.	Giải quyết khiếu nại lần hai	QT-02/KN
<b>Lĩnh vực tố cáo</b>		
200.	Giải quyết tố cáo	QT-01/TC
<b>Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng</b>		
201.	Thực hiện việc giải trình	QT-01/PCTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢN CÔNG BỐ**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân Quận 12  
phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với hoạt  
động của Ủy ban nhân dân Quận 12**

*(Theo phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 4582 / QĐ-UBND  
ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 12)*

**Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ký.**

*Quận 12, ngày 18 tháng 9 năm 2023*

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Đức**

